

Số: 242/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí số 126/2025/QH15 về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình, bao gồm:

1. Khoản 6 Điều 18 về cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

2. Khoản 5 Điều 19 về thu hồi Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

3. Khoản 5 Điều 25 về chế độ lưu trữ chương trình đã được truyền dẫn, phát sóng, thông tin về nguồn tín hiệu sử dụng để chuyển tiếp sóng và lưu trữ dữ liệu đối với phát thanh, truyền hình, đo kiểm và công bố số liệu liên quan đến hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình.

4. Khoản 2 Điều 44 về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

5. Khoản 4 Điều 45 về nguyên tắc cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá và điều kiện, hồ sơ, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật số 126/2025/QH15 (sau đây gọi là cơ quan chủ quản báo chí).

2. Đài phát thanh, đài truyền hình, đài phát thanh và truyền hình, đơn vị hoạt động truyền hình, cơ quan báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình).

3. Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Kênh chương trình trong nước là kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình do các cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình của Việt Nam sản xuất hoặc liên kết sản xuất theo quy định của pháp luật.

2. Kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu là kênh chương trình trong nước do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định phù hợp với yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền trong từng giai đoạn, gồm kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương.

3. Kênh chương trình nước ngoài là kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình do các hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài sản xuất, có ngôn ngữ thể hiện chính là tiếng nước ngoài.

4. Chương trình trong nước là chương trình phát thanh, chương trình truyền hình theo quy định của Luật số 126/2025/QH15; chương trình hình ảnh, âm thanh khác do cơ quan, tổ chức của Việt Nam sản xuất, bao gồm cả chương trình trực tiếp theo thời điểm diễn ra sự kiện.

5. Chương trình nước ngoài là chương trình phát thanh, chương trình truyền hình thuộc kênh chương trình nước ngoài; chương trình hình ảnh, âm thanh khác do tổ chức nước ngoài sản xuất, bao gồm cả chương trình trực tiếp theo thời điểm diễn ra sự kiện.

6. Lưu chiều điện tử đối với phát thanh, truyền hình là việc cơ quan quản lý nhà nước về phát thanh, truyền hình ở trung ương sử dụng các phương tiện điện tử để tổ chức tiếp nhận, lưu giữ, bảo quản và sử dụng các chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình.

7. Dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng mặt đất.

8. Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng qua mạng cáp, áp dụng các công nghệ khác nhau, gồm: Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp tương tự; dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp kỹ thuật số; dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp giao thức Internet (IPTV).

9. Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng qua vệ tinh.

10. Dịch vụ phát thanh, truyền hình di động là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng di động mặt đất, di động qua vệ tinh, qua mạng viễn thông di động mặt đất.

11. Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet là loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình sử dụng kết nối mạng Internet thông qua các địa chỉ tên miền của trang thông tin điện tử hoặc địa chỉ Internet xác định do Việt Nam quản lý, gồm cả ứng dụng Internet.

12. Dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá là phương thức cung cấp các loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình cho người sử dụng dịch vụ tự do, không áp dụng các biện pháp kỹ thuật để quản lý, kiểm soát hoặc ràng buộc điều kiện thu tín hiệu.

13. Dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền là phương thức cung cấp các loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình cho người sử dụng dịch vụ, có áp dụng biện pháp kỹ thuật để quản lý, kiểm soát và ràng buộc điều kiện thu tín hiệu.

14. Dịch vụ giá trị gia tăng là dịch vụ cung cấp nội dung làm tăng thêm tiện ích của dịch vụ phát thanh, truyền hình, gắn liền với kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình, nội dung theo yêu cầu.

15. Đơn vị cung cấp nội dung là cơ quan báo chí của Việt Nam có Giấy phép hoạt động phát thanh hoặc Giấy phép hoạt động truyền hình, tổ chức, doanh nghiệp sở hữu bản quyền hoặc có thỏa thuận sử dụng bản quyền hợp pháp đối với nội dung cung cấp cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình.

16. Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình là cơ quan báo chí của Việt Nam có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình hoặc doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam đủ điều kiện cung cấp dịch vụ và trực tiếp cung cấp nội dung phát thanh, truyền hình đến người sử dụng dịch vụ.

17. Hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình là mạng viễn thông đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình.

18. Người sử dụng dịch vụ là tổ chức, cá nhân có thiết bị thu tín hiệu phát thanh, truyền hình tại điểm kết cuối của hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình đáp ứng yêu cầu sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

19. Thuê bao sử dụng dịch vụ (gọi tắt là thuê bao) là người sử dụng dịch vụ có giao kết hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền dưới hình thức văn bản giấy hoặc điện tử.

20. Trung tâm thu phát là vị trí các thiết bị phát thanh, truyền hình được thiết lập thành hệ thống để quản lý hoạt động thu, xử lý tín hiệu băng cơ sở và cấp tín hiệu phát thanh, truyền hình đến hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn phát sóng phát thanh, truyền hình, mạng Internet để cung cấp đến người sử dụng.

21. Nội dung theo yêu cầu, gồm: Phim, chương trình trong nước, chương trình nước ngoài.

22. Giá dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền là số tiền thuê bao phải chi trả cho đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền để được sử dụng dịch vụ theo ngày hoặc tuần hoặc tháng hoặc quý hoặc năm hoặc từng nội dung theo thỏa thuận của hợp đồng.

Chương II

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

Điều 4. Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước

1. Cơ quan báo chí của Việt Nam có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình được đề nghị sản xuất thêm kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước, trừ trường hợp thay đổi nội dung quy định tại khoản 4, khoản 5 của Điều này.

4. Trường hợp thay đổi nội dung, gồm: ngôn ngữ thể hiện, đặc điểm kỹ thuật kênh chương trình, loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước, cơ quan báo chí có văn bản thông báo nội dung thay đổi cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

5. Trường hợp thay đổi nội dung khác ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước trừ các trường hợp thay đổi quy định tại khoản 4 Điều này, cơ quan báo chí thực hiện hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép, đề nghị chấp thuận nội dung thay đổi gửi cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước; hồ sơ, thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung, đề nghị chấp thuận nội dung thay đổi và thông báo nội dung thay đổi ghi trong Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

6. Cơ quan báo chí có Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước được chủ động cung cấp kênh chương trình sản xuất theo giấy phép cho các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trong cả nước.

Điều 5. Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Điều kiện cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

a) Là cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh hoặc Giấy phép hoạt động truyền hình phù hợp với loại hình kênh chương trình thực hiện biên tập;

b) Có văn bản chấp thuận và đề nghị cấp giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền của cơ quan chủ quản đối với cơ quan báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan báo chí của các bộ, ngành.

Có văn bản đề nghị cấp giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền do người đứng đầu, người được giao thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật ký xác nhận đối với cơ quan báo chí trung ương khác;

c) Có nhân sự đáp ứng yêu cầu về trình độ chuyên môn báo chí, có thẻ nhà báo, có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 quy định tại mục 1.5, mục 1.6, phần II Phụ lục khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam kèm theo Thông tư số 33/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam và phù hợp với ngôn ngữ kênh chương trình nước ngoài đề nghị cấp giấy phép biên tập;

d) Có năng lực kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của công tác biên tập, gồm hệ thống thiết bị làm chậm, thiết bị lưu trữ, phương tiện kỹ thuật thu, phát tín hiệu phù hợp và bảo đảm công tác biên tập được thực hiện tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

đ) Có năng lực tài chính cần thiết thể hiện bởi dự toán chi phí biên tập hoặc biên tập, biên dịch trong 01 năm và văn bản chứng minh nguồn tài chính hợp pháp bảo đảm thực hiện công tác biên tập, biên dịch theo dự toán;

e) Có bản quyền hoặc văn bản cho phép được sử dụng kênh chương trình nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Việc biên tập, quản lý nội dung bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về báo chí, điện ảnh, quảng cáo và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Việc biên tập, thực hiện cảnh báo nội dung bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về trẻ em, điện ảnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Việc biên dịch kênh chương trình nước ngoài phải bảo đảm tôn trọng, bảo tồn sự trong sáng của tiếng Việt.

5. Việc cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được thực hiện với từng kênh chương trình và phù hợp với chiến lược, kế hoạch và chính sách của nhà nước về phát triển và quản lý báo chí toàn quốc.

6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

7. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, trừ trường hợp thay đổi nội dung quy định tại khoản 8 Điều này.

8. Trường hợp thay đổi số giấy phép hoạt động phát thanh, số giấy phép hoạt động truyền hình của cơ quan báo chí ghi trong Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, cơ quan báo chí có văn bản thông báo nội dung thay đổi cho cơ quan quản lý nhà nước về báo chí.

Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; hồ sơ, thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung, đề nghị chấp thuận nội dung thay đổi và thông báo nội dung thay đổi ghi trong Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Điều 6. Thu hồi Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước và Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành quyết định thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau đây:

a) Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước có hiệu lực, cơ quan báo chí không phát sóng kênh chương trình theo giấy phép được cấp;

b) Sau thời hạn 03 tháng kể từ ngày Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có hiệu lực, cơ quan báo chí không thực hiện hoạt động biên tập và không cung cấp tín hiệu kênh chương trình đến các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

c) Trong quá trình hoạt động, cơ quan báo chí tạm ngừng quá 06 tháng đối với hoạt động sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước; tạm ngừng quá 03 tháng đối với hoạt động biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

d) Cơ quan báo chí bị xử lý vi phạm hành chính và bị tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn, trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bị xử lý vi phạm hành chính lại tiếp tục có vi phạm tới mức bị xử lý tước quyền sử dụng giấy phép hoặc vi phạm quy định về thông tin sai sự thật gây ảnh hưởng nghiêm trọng trở lên;

đ) Trường hợp không còn nhu cầu sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, kênh chương trình truyền hình trong nước, không còn nhu cầu biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, chậm nhất là 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt sản xuất, chấm dứt biên tập, cơ quan báo chí gửi thông báo bằng văn bản đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thu hồi các giấy phép này và thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;

e) Trường hợp cơ quan báo chí bị thu hồi Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình thì cơ quan báo chí phải chấm dứt hoạt động và toàn bộ Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền hết hiệu lực.

2. Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực đối với Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước; 03 tháng kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực đối với Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình và bảo đảm đủ điều kiện theo quy định, được thực hiện hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 7. Chế độ lưu chiếu, đo kiểm và công bố số liệu về phát thanh, truyền hình

1. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Xây dựng hoặc thuê, vận hành và quản lý hệ thống lưu chiếu điện tử để lưu trữ và sử dụng các chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình theo quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra, đánh giá, nhận xét về nội dung các chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình được lưu chiếu theo yêu cầu của công tác quản lý, phát hiện và xử lý đối với các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức hoạt động đo kiểm, đánh giá mức độ tiếp cận, quan tâm của khán, thính giả đối với chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình. Công bố số liệu đo kiểm và các số liệu khác về hoạt động phát thanh, truyền hình phục vụ công tác quản lý nhà nước về phát thanh, truyền hình.

2. Trách nhiệm của cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình:

a) Cung cấp tín hiệu các chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình đã truyền dẫn, phát sóng theo yêu cầu của cơ quan thực hiện lưu chiếu để phục vụ công tác lưu chiếu;

Cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình bảo đảm tính thống nhất, chính xác giữa tín hiệu truyền dẫn, phát sóng với tín hiệu cấp cho cơ quan thực hiện lưu chiếu.

b) Cung cấp các thông số kỹ thuật cần thiết theo yêu cầu của cơ quan thực hiện đo kiểm để thực hiện việc đo kiểm, đánh giá mức độ tiếp cận, quan tâm của khán, thính giả;

c) Lưu trữ toàn bộ chương trình, kênh chương trình đã truyền dẫn, phát sóng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày truyền dẫn, phát sóng.

3. Quy trình lưu chiếu phát thanh, truyền hình:

a) Cơ quan thực hiện lưu chiếu phát thanh, truyền hình có văn bản thông báo phương án kết nối, truyền dẫn tín hiệu được phát sóng, thời gian, địa điểm bắt đầu thực hiện kết nối cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan thực hiện lưu chiếu, cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình có trách nhiệm hoàn thành phương án kết nối và cung cấp tín hiệu các chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình theo quy định tại điểm a khoản này;

c) Sau khi thực hiện kết nối, cơ quan thực hiện lưu chiếu kiểm tra tín hiệu truyền dẫn, bảo đảm nội dung đã bắt đầu được lưu tại hệ thống và xác nhận với cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, hoạt động truyền hình sau 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thiện việc thực hiện kết nối.

4. Cơ quan thực hiện lưu chiếu bảo đảm tổ chức lưu trữ liên tục, nguyên trạng nội dung các chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình trên hệ thống lưu chiếu tối thiểu là 30 ngày kể từ thời điểm các chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình đăng tải, phát sóng lần đầu phục vụ công tác quản lý.

5. Kinh phí cho hoạt động lưu chiếu, đo kiểm, công bố số liệu được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật hiện hành, gồm:

a) Mua sắm hoặc thuê công cụ, dụng cụ, trang thiết bị, phương tiện để truyền dẫn, quản lý, duy trì hệ thống lưu chiếu, đo kiểm phát thanh, truyền hình;

b) Tổng hợp, phân tích, báo cáo về kết quả đánh giá chất lượng nội dung thông tin trên phát thanh, truyền hình, công bố số liệu đo kiểm và các số liệu khác về hoạt động phát thanh, truyền hình;

c) Các hoạt động khác phục vụ hoạt động lưu chiều, đo kiểm phát thanh, truyền hình.

Chương III

QUẢN LÝ DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH

Điều 8. Nội dung quản lý nhà nước về dịch vụ phát thanh, truyền hình

1. Phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá trên toàn quốc bằng công nghệ hiện đại để mọi người dân dễ dàng tiếp cận các chương trình, kênh chương trình trong nước; triển khai phủ sóng qua vệ tinh theo phương thức quảng bá tại các địa bàn khó khăn không có sóng mặt đất để mọi người dân thu, xem được các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương.

2. Phát triển thị trường dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền bền vững, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng nhằm huy động nguồn lực xã hội góp phần phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền và đáp ứng nhu cầu giải trí lành mạnh, đa dạng của người dân.

3. Tạo điều kiện thuận lợi để huy động, sử dụng các nguồn lực xã hội tham gia sản xuất các chương trình, kênh chương trình trong nước theo hình thức liên kết nhằm nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của người dân; bảo vệ và phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa tốt đẹp của dân tộc, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

4. Quản lý việc cung cấp nội dung thông tin trên dịch vụ phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật về báo chí, điện ảnh; quản lý hạ tầng kỹ thuật truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình theo quy định của pháp luật về viễn thông và tần số vô tuyến điện.

Quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình tại Việt Nam, bao gồm cả dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet cung cấp xuyên biên giới tới người sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.

5. Xây dựng, ban hành chính sách, quy chuẩn kỹ thuật chất lượng sản phẩm, hàng hóa lĩnh vực phát thanh, truyền hình; quy định quản lý, công bố, kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình; thực hiện hợp tác quốc tế trong hoạt động dịch vụ phát thanh, truyền hình.

6. Tạo điều kiện thuận lợi cho Hiệp hội truyền hình trả tiền và các đơn vị

cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình hoạt động hiệu quả để góp phần thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ phát thanh, truyền hình phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước.

Điều 9. Nguyên tắc cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá

1. Phổ cập dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá trên phạm vi cả nước, trong đó tập trung ưu tiên khu vực biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chiến lược, kế hoạch và chính sách của nhà nước về báo chí, phát thanh, truyền hình.

3. Bảo đảm phù hợp với các quy định về quản lý tài nguyên Internet và tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật về viễn thông và tần số vô tuyến điện.

4. Bảo đảm nội dung trên dịch vụ phù hợp với các quy định về quản lý nội dung thông tin theo quy định của pháp luật về báo chí, phát thanh, truyền hình và quy định tại Nghị định này.

5. Bảo đảm tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật của nhà nước, thực hiện việc đo kiểm, công bố, kiểm tra, giám sát về chất lượng sản phẩm, hàng hóa lĩnh vực phát thanh, truyền hình theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Có kế hoạch dành dung lượng truyền dẫn để thực hiện truyền dẫn phát sóng trên dịch vụ các kênh chương trình theo nguyên tắc quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định này và theo phân công trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền.

7. Chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý nội dung thông tin và bảo vệ bản quyền nội dung chương trình, kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình; chấp hành chế độ báo cáo nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương theo quy định.

Điều 10. Điều kiện cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam

1. Các kênh chương trình nước ngoài cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có nội dung lành mạnh, phù hợp văn hóa Việt Nam, không vi phạm quy định của pháp luật Việt Nam về báo chí;

b) Đáp ứng yêu cầu quyền sở hữu hoặc sử dụng bản quyền nội dung khi cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam;

c) Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định tại Điều 11 Nghị định này;

d) Được cơ quan báo chí có Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định tại Điều 5 Nghị định này thực hiện biên tập và chịu trách nhiệm về nội dung kênh chương trình;

đ) Không bao gồm nội dung quảng cáo được cài đặt sẵn từ nước ngoài. Các nội dung quảng cáo (nếu có) phải được cài đặt tại Việt Nam. Cơ quan báo chí được cấp Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thực hiện cài đặt quảng cáo, chịu trách nhiệm về thời lượng, nội dung quảng cáo bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về quảng cáo.

2. Các hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài cung cấp kênh chương trình nước ngoài vào Việt Nam có thu phí bản quyền nội dung phải thông qua đại lý được ủy quyền tại Việt Nam.

3. Đại lý được ủy quyền tại Việt Nam phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam;

b) Được các hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài ủy quyền làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam.

Trường hợp hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài thực hiện ủy quyền đồng thời từ 02 đại lý trở lên phải quy định rõ phạm vi ủy quyền cho mỗi đại lý.

4. Đại lý được ủy quyền tại Việt Nam có nghĩa vụ sau:

a) Đăng ký cung cấp các kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam với tổ chức hành chính thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được giao thực hiện quản lý nhà nước về phát thanh, truyền hình (sau đây gọi là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình);

b) Thực hiện đúng các quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình cấp;

c) Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Đối với các kênh chương trình nước ngoài không thu phí bản quyền nội dung, các hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài thông qua cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình tại Việt Nam để thực hiện thủ tục biên tập, biên dịch theo quy định, không phải thông

qua đại lý được ủy quyền tại Việt Nam.

Điều 11. Cấp và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, gồm:

a) Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Giấy phép hoạt động của hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài là chủ sở hữu kênh chương trình nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực;

c) Bản sao văn bản chứng minh quyền sở hữu hợp pháp còn hiệu lực pháp luật đối với kênh chương trình phù hợp với pháp luật của quốc gia mà hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài sở hữu kênh chương trình đó hoạt động phải được hợp pháp hóa lãnh sự trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực;

d) Văn bản xác nhận của hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài về việc ủy quyền cho doanh nghiệp làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải được hợp pháp hóa lãnh sự trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài;

đ) Văn bản mô tả của hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài về nội dung kênh chương trình và khung chương trình đã phát sóng trong 01 tháng, có thời gian phát sóng không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài.

2. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

a) Doanh nghiệp được ủy quyền làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này về cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền cho doanh nghiệp theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp không cấp giấy chứng nhận, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Đại lý nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại nơi nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia như đăng ký, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Thời hạn giấy chứng nhận:

Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có hiệu lực tối đa 05 năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn ghi trong văn bản ủy quyền cho doanh nghiệp làm đại lý cung cấp kênh chương trình.

3. Đại lý không còn nhu cầu cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đại lý, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình ban hành quyết định thu hồi và công bố thông tin về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã cấp.

Trường hợp đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình ban hành quyết định thu hồi và công bố thông tin về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã cấp.

4. Trường hợp giấy chứng nhận hết hiệu lực, giấy chứng nhận bị thu hồi, đại lý có nhu cầu tiếp tục cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 12. Cấp giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

a) Trường hợp thay đổi chủ sở hữu kênh chương trình nước ngoài, thể loại kênh chương trình nước ngoài, nội dung kênh chương trình nước ngoài, hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định này;

b) Trường hợp thay đổi khác với quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, đại lý có văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nêu rõ lý do và thuyết minh chi tiết những nội dung đề nghị thay đổi, kèm theo văn bản của hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài xác nhận về những nội dung thay đổi. Văn bản xác nhận của hãng phát thanh, truyền hình nước ngoài, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp có thay đổi về thời gian, thời lượng phát sóng, tỷ lệ thời lượng các nhóm chuyên mục của kênh chương trình, phải có thêm khung chương trình phát sóng trong 01 tháng và có thời gian phát sóng không quá 03 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ, kèm theo bản dịch tiếng Việt có chứng thực đối với trường hợp văn bản được soạn bằng tiếng nước ngoài.

2. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

a) Doanh nghiệp được ủy quyền làm đại lý cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này về cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình cấp giấy chứng nhận sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

Trường hợp không cấp sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Đại lý nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại nơi nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia như đăng ký, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 13. Nội dung thông tin, quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình

1. Kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá:

a) Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương. Danh mục kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương dựa trên tôn chỉ, mục đích của kênh và phù hợp với yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền theo từng giai đoạn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Các kênh chương trình trong nước được cấp phép cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá.

2. Kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

a) Các kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia phải được cung cấp đến tất cả thuê bao, bảo đảm tính nguyên vẹn về nội dung, bản quyền và chất lượng kỹ thuật khi truyền dẫn, phát sóng và truyền tải kênh chương trình.

Trường hợp chỉ cung cấp dịch vụ phát thanh trả tiền, đơn vị phải cung cấp đầy đủ các kênh chương trình phát thanh phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia.

Trường hợp chỉ cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền, đơn vị phải cung cấp đầy đủ các kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia;

b) Các kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương phải được cung cấp đến các thuê bao tại địa phương nơi đơn vị cung cấp dịch vụ theo địa bàn hành chính, trừ trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng công nghệ truyền dẫn, phát sóng không có khả năng chèn hoặc thay thế kênh chương trình trên địa bàn hành chính đó;

c) Điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương thực hiện theo thỏa thuận giữa cơ quan báo chí có

Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình và đơn vị cung cấp dịch vụ. Cơ quan báo chí quyết định điểm nhận tín hiệu từ Tổng không chế của cơ quan báo chí hoặc từ một địa điểm có vị trí thuận lợi, gần nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật để bảo đảm chất lượng tín hiệu và tiết kiệm chi phí truyền dẫn của đơn vị cung cấp dịch vụ;

d) Cơ quan báo chí có trách nhiệm cung cấp miễn phí tín hiệu các kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương để đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền truyền dẫn, phát sóng và truyền tải tới thuê bao;

đ) Trường hợp đơn vị chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền trên mạng Internet thì không phải cung cấp các kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương đến thuê bao;

e) Các kênh chương trình nước ngoài và kênh chương trình trong nước khác do đơn vị cung cấp dịch vụ quyết định;

g) Số lượng kênh chương trình nước ngoài cung cấp trên mỗi loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền không vượt quá 30% tổng số kênh chương trình.

3. Sản xuất, biên tập, biên dịch, phân loại nội dung theo yêu cầu:

a) Chương trình tin tức thời sự, các chương trình về chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, xã hội: Phải được cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình sản xuất, biên tập trước khi cung cấp trên dịch vụ;

b) Phim: Thực hiện theo quy định pháp luật về điện ảnh;

c) Chương trình thể thao, giải trí: Phải được biên tập, phân loại trước khi cung cấp trên dịch vụ và hiển thị cảnh báo trong khi cung cấp dịch vụ, bảo đảm không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam. Đơn vị cung cấp dịch vụ căn cứ nguyên tắc biên tập, phân loại và cảnh báo nội dung theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định của pháp luật liên quan để thực hiện hoạt động biên tập, phân loại;

d) Trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền sắp xếp các nội dung tại điểm b và điểm c khoản này thành chuỗi nội dung phát liên tục trên dịch vụ thì phải đặt tên chuỗi nội dung phù hợp với nội dung được sắp xếp, đồng thời hiển thị rõ thông tin nhận diện đây là chuỗi nội dung do đơn vị cung cấp dịch vụ sắp xếp, không phải là kênh chương trình phát thanh, truyền

hình và có biện pháp kỹ thuật, quy trình quản lý để kiểm soát nội dung trong suốt quá trình phát chuỗi nội dung;

đ) Trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền cung cấp tính năng tương tác, bình luận trên các nội dung tại điểm b và điểm c khoản này phải có cơ chế kiểm soát, bảo đảm nội dung tương tác, bình luận phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định pháp luật liên quan;

e) Biên dịch nội dung theo yêu cầu phải bảo đảm tôn trọng, bảo tồn sự trong sáng của tiếng Việt, bảo đảm không vi phạm các điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam. Nội dung biên dịch (nếu có) đối với từng nội dung tại các điểm a, b, c khoản này được thực hiện biên tập, phân loại theo quy định pháp luật liên quan;

g) Nội dung dịch vụ giá trị gia tăng, quảng cáo gắn với nội dung tại các điểm a, b, c khoản này phải được thực hiện biên tập, phân loại theo quy định pháp luật liên quan;

h) Nội dung theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng, nội dung quảng cáo: Phải lưu trữ đầy đủ thông tin về thể loại nội dung, đơn vị biên tập, phân loại, cảnh báo, thời gian cung cấp trên dịch vụ, thời hạn bản quyền phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bản quyền nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

a) Các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của pháp luật được tiếp phát, truyền tải nguyên vẹn trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tại Việt Nam thông qua thỏa thuận điểm nhận tín hiệu giữa cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình và đơn vị cung cấp dịch vụ;

b) Các kênh chương trình khác trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải bảo đảm có văn bản chứng minh bản quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật, tính nguyên vẹn của chương trình, kênh chương trình, trừ trường hợp cài đặt tên, biểu tượng của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định tại khoản 5 Điều này;

c) Các nội dung theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng phải bảo đảm có văn bản chứng minh bản quyền hợp pháp theo quy định của pháp luật, tính nguyên vẹn của chương trình, phim đã được phát trên kênh, bao gồm cả tên, biểu tượng của kênh chương trình và bảo đảm tuân thủ hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận bản quyền; tính nguyên vẹn của nội dung chương trình sau khi được biên tập, phân loại theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Tên, biểu tượng đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

a) Có khả năng nhận dạng dễ dàng;

b) Không trùng với tên, biểu tượng dịch vụ đã được đăng ký;

c) Đặt ở 01 trong 04 góc của màn hình, không chồng lên nội dung hiển thị mức phân loại, cảnh báo và biểu tượng của đơn vị cung cấp nội dung hoặc biểu tượng của kênh chương trình;

d) Có quyền sở hữu trí tuệ hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với biểu tượng dịch vụ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

đ) Không cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ trên các kênh chương trình phát thanh, truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu theo quy định của nhà nước;

e) Chủ động chọn ít nhất 2 kênh chương trình trong danh mục kênh chương trình cung cấp trên dịch vụ để thực hiện cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ cho mục đích nhận dạng đơn vị cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp trên dịch vụ không cung cấp đủ 2 kênh chương trình để cài đặt biểu tượng dịch vụ.

6. Nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá:

a) Bảo đảm tính nguyên vẹn của các kênh chương trình;

b) Thực hiện thông báo lần đầu danh mục kênh chương trình cung cấp trên dịch vụ cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình trước khi cung cấp dịch vụ;

c) Chấp hành chế độ báo cáo nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương theo quy định;

d) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

7. Nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

a) Chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý nội dung thông tin và bản quyền nội dung chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình và các nội dung khác trên dịch vụ. Trường hợp đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền trên mạng Internet có cung cấp, tích hợp các dịch vụ khác trên cùng một trang thông tin điện tử hoặc một ứng dụng, thì phải bảo đảm phân định dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền với các loại hình dịch vụ khác thành các chuyên mục riêng biệt theo nguyên tắc không xen lẫn nội dung với nhau. Trường hợp có cung cấp dịch vụ chuyên ngành khác thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì phải có giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

b) Chấp hành các quy định của nhà nước về phí, lệ phí, giá và hợp đồng cung cấp dịch vụ;

c) Chấp hành các quy định trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh,

truyền hình trả tiền được cấp và các quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này trong suốt thời gian giấy phép còn hiệu lực;

d) Chấp hành chế độ báo cáo nghiệp vụ cho cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương theo quy định;

đ) Niêm yết giá dịch vụ, giá gói dịch vụ gắn với các thông tin, thông số kỹ thuật cơ bản của dịch vụ, gói dịch vụ tại các cơ sở kinh doanh có quầy giao dịch cung cấp dịch vụ, trên trang thông tin điện tử của đơn vị (nếu có), các tên miền, ứng dụng cung cấp dịch vụ và các địa điểm khác do đơn vị cung cấp dịch vụ quyết định theo quy định của pháp luật;

e) Không được mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền dưới mọi hình thức;

g) Bảo đảm tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật của nhà nước, thực hiện việc đo kiểm, công bố, kiểm tra, giám sát về chất lượng sản phẩm, hàng hóa lĩnh vực phát thanh, truyền hình theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

h) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

i) Ngăn chặn, gỡ bỏ nội dung vi phạm quy định pháp luật chậm nhất trong 24 giờ kể từ thời điểm có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình;

k) Cung cấp thông tin về tình hình tiếp nhận kênh chương trình thực hiện nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của địa phương, bao gồm thông tin về số lượng người nghe, xem theo địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thời lượng nghe, xem; thiết bị thu, theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình. Thông tin được cung cấp không bao gồm dữ liệu định danh cá nhân, tuân thủ các quy định của pháp luật về dữ liệu, chỉ sử dụng cho mục đích quản lý nhà nước về phát thanh, truyền hình.

8. Nghĩa vụ của đơn vị cung cấp dịch vụ hạ tầng mạng, đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối Internet (ISP):

a) Ngăn chặn việc phổ biến các nội dung theo yêu cầu không thực hiện biên tập, phân loại theo quy định tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều này, các nội dung phát thanh, truyền hình vi phạm quy định pháp luật về báo chí, điện ảnh, quảng cáo, sở hữu trí tuệ, an ninh mạng và pháp luật có liên quan khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình;

b) Phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền bảo đảm chất lượng dịch vụ đến thuê bao theo thỏa thuận giữa các bên liên quan và quy chuẩn kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

9. Nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá:

Chấp hành các quy định của pháp luật về sở hữu bản quyền nội dung chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình.

10. Nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

a) Chấp hành các quy định của pháp luật về sở hữu bản quyền nội dung chương trình, kênh chương trình phát thanh, truyền hình;

b) Không được cung cấp hoặc bán lại dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền dưới mọi hình thức.

Điều 14. Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Điều kiện cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

a) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình. Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải đáp ứng quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư;

b) Có Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình hoặc có thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông của đơn vị có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông còn hiệu lực đáp ứng yêu cầu kỹ thuật truyền dẫn dịch vụ đến các thuê bao kết nối với mạng viễn thông đó đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất, dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp, dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh, dịch vụ phát thanh, truyền hình di động; có xác nhận đăng ký tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định do Việt Nam quản lý để cung cấp dịch vụ đến thuê bao đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet;

c) Có phương án bố trí nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật; giá dịch vụ, kế hoạch kinh doanh, dự toán chi phí đầu tư và chi phí hoạt động ít nhất trong 2 năm đầu tiên;

d) Có phương án thiết lập hệ thống quản lý tập trung tất cả các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài ở một địa điểm, gồm: hệ thống quản lý thiết bị thu, xử lý tín hiệu, thiết bị kết nối đến mạng truyền dẫn, hệ thống quản lý dịch vụ, quản lý thuê bao và bảo vệ nội dung;

đ) Có phương án áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại phù hợp quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn an ninh thông tin; xử lý kịp thời các sự cố kỹ thuật bảo đảm tính liên tục của dịch vụ và quyền lợi của thuê bao;

e) Có dự kiến danh mục kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài, nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng sẽ cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

g) Có văn bản thỏa thuận điếm nhận tín hiệu các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu quốc gia, thiết yếu địa phương, trừ trường hợp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet không cung cấp kênh chương trình, chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu.

2. Hồ sơ cấp giấy phép bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Đề án cung cấp dịch vụ thuyết minh rõ hoạt động cung cấp dịch vụ của đơn vị đáp ứng điều kiện được quy định tại điếm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Bản sao Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình hoặc bản sao văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông của đơn vị có giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông phù hợp còn hiệu lực đáp ứng yêu cầu kỹ thuật truyền dẫn dịch vụ đến các thuê bao kết nối với mạng viễn thông đó đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất, dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp, dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh, dịch vụ phát thanh, truyền hình di động. Trường hợp thuê, sử dụng mạng viễn thông phải có bản sao Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình của đơn vị cho thuê kèm theo quy chế phối hợp với đơn vị có mạng viễn thông hoặc giải pháp kỹ thuật để xử lý sự cố, bảo đảm chất lượng và tính liên tục của dịch vụ;

d) Tài liệu chứng minh quyền sở hữu trí tuệ hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với biểu tượng dịch vụ, biểu tượng ứng dụng cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc văn bản cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với biểu tượng dịch vụ đăng ký.

3. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép

a) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này về cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Trường hợp không cấp giấy phép, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Đơn vị nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại nơi nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia như đăng ký, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Thời hạn giấy phép

Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có thời hạn hiệu lực tối đa trong 10 năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn hiệu lực ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình hoặc văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng hạ tầng mạng viễn thông.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Trường hợp thay đổi về trung tâm thu phát, loại hình dịch vụ ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, hồ sơ, thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 14 Nghị định này.

2. Trường hợp thay đổi các nội dung về phạm vi cung cấp dịch vụ, địa chỉ tên miền và tên ứng dụng cung cấp dịch vụ, tên biểu tượng dịch vụ trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, đơn vị phải có văn bản thông báo và nêu rõ các nội dung thay đổi theo Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này kèm tài liệu liên quan đến nội dung thay đổi, nộp về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của đơn vị bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của thông báo, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận chính thức thông báo hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của đơn vị cấp giấy xác nhận thông báo và gửi đơn vị đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và đơn vị cấp giấy phép theo Mẫu số 07

tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Trường hợp không cấp giấy xác nhận thông báo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời gửi trực tiếp hoặc thư điện tử cho đơn vị và nêu rõ lý do.

4. Các trường hợp thay đổi các nội dung trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì đơn vị phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp giấy phép trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức thay đổi.

5. Trong vòng 60 ngày trước ngày giấy phép hết hiệu lực, đơn vị muốn gia hạn giấy phép phải gửi văn bản thông báo và nêu rõ thời hạn gia hạn theo Mẫu số 08 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này, đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của đơn vị bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố hoặc trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của thông báo, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ.

6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận chính thức thông báo hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của đơn vị cấp giấy xác nhận thông báo và gửi đơn vị đề nghị gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và đơn vị cấp giấy phép theo Mẫu số 09 tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Trường hợp không cấp giấy xác nhận thông báo gia hạn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

7. Giấy phép được gia hạn không quá 01 (một) lần và có hiệu lực không quá 05 năm nhưng không vượt quá thời hạn hiệu lực ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình hoặc văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng hạ tầng mạng viễn thông.

Điều 16. Thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

1. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình có trách nhiệm ban hành quyết định thu hồi và công bố thông tin về việc thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, trong các trường hợp sau:

a) Sau thời hạn 01 năm kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, đơn vị được cấp giấy phép không thực hiện việc cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

b) Trong quá trình hoạt động, đơn vị ngừng cung cấp dịch vụ liên tục từ 90 ngày trở lên mà không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

c) Đơn vị bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về đầu tư;

d) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền không còn nhu cầu cung cấp dịch vụ.

2. Trường hợp thu hồi giấy phép theo điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình có văn bản thông báo và yêu cầu đơn vị có Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có văn bản giải trình.

Sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn trong thông báo mà đơn vị không có văn bản giải trình hoặc giải trình không thỏa đáng về việc không cung cấp dịch vụ, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình ban hành quyết định thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

3. Trường hợp thu hồi giấy phép theo điểm d khoản 1 Điều này, đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc chấm dứt cung cấp dịch vụ đến thuê bao chậm nhất 30 ngày trước thời điểm ngừng cung cấp dịch vụ và có văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đã được cấp.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đơn vị, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình ban hành quyết định thu hồi giấy phép.

4. Đơn vị bị thu hồi Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng phương án giải quyết khiếu nại, tranh chấp phát sinh liên quan đến việc chấm dứt cung cấp dịch vụ và việc thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng đã giao kết với các bên có liên quan, đồng thời thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp giấy phép hết hiệu lực, giấy phép bị thu hồi, đơn vị muốn tiếp tục cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 14 Nghị định này.

Điều 17. Đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình

1. Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá:

Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình quảng bá được chủ động lựa chọn danh mục kênh chương trình trong nước phù hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 13 Nghị định này để cung cấp trên dịch vụ và không phải thực hiện thủ tục đăng ký danh mục kênh.

2. Đối với dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

a) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải thực hiện đăng ký lần đầu danh mục các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài trước khi cung cấp dịch vụ, trừ trường hợp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet chỉ cung cấp nội dung theo yêu cầu;

b) Trong quá trình triển khai cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, nếu có thay đổi so với danh mục kênh chương trình đã đăng ký, các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thực hiện gửi báo cáo về việc thay đổi danh mục kênh chương trình tới cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình;

c) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền không phải thực hiện đăng ký danh mục nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng. Các nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Yêu cầu đối với nội dung theo yêu cầu và nội dung giá trị gia tăng:

a) Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bản quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định này;

b) Được thực hiện biên tập, phân loại trước khi cung cấp trên dịch vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này;

c) Nội dung quảng cáo (nếu có) được đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện biên tập bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam về quảng cáo và các quy định của pháp luật khác có liên quan;

d) Nội dung theo yêu cầu, nội dung của dịch vụ giá trị gia tăng, nội dung quảng cáo: Phải lưu trữ đầy đủ thông tin về thể loại nội dung, đơn vị biên tập, phân loại, cảnh báo, thời hạn bản quyền phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

4. Hồ sơ đăng ký lần đầu danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

a) Tờ khai đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao văn bản thỏa thuận điếm nhận tín hiệu các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu;

c) Bản sao văn bản thỏa thuận bản quyền đối với kênh chương trình khác đăng ký trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

5. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

a) Hồ sơ đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền lần đầu được đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thực hiện cùng với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền hoặc chậm nhất trong vòng 05 ngày làm việc sau khi được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

b) Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này về cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình bằng một trong các hình thức sau: qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Trường hợp không cấp giấy chứng nhận, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

6. Đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có thay đổi danh mục kênh chương trình so với danh mục kênh chương trình đã được cấp giấy chứng nhận thì gửi báo cáo bằng văn bản theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này về cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình ít nhất 03 ngày làm việc trước khi thực hiện cung cấp

dịch vụ theo danh mục kênh chương trình mới, đồng thời có trách nhiệm công bố danh mục kênh chương trình mới tới thuê bao.

Điều 18. Thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

1. Thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh là thu xem các kênh chương trình truyền hình nước ngoài không qua biên tập bởi cơ quan báo chí.

2. Các đối tượng sau đây được thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh để khai thác thông tin phục vụ công tác chuyên môn nghiệp vụ, gồm: Các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội ở trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các cơ quan báo chí; các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế liên chính phủ và các cơ quan khác của nước ngoài được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự ở Việt Nam và cơ quan đại diện của tổ chức phi chính phủ và các tổ chức nước ngoài khác tại Việt Nam; văn phòng báo chí thường trú tại Việt Nam.

3. Các tổ chức không quy định tại khoản 2 Điều này có người nước ngoài làm việc, hộ gia đình và cá nhân người nước ngoài chỉ được thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh nếu các kênh chương trình đó chưa được cung cấp trên hệ thống truyền hình trả tiền của Việt Nam tại địa phương nơi tổ chức, gia đình và cá nhân đó thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu.

4. Các đơn vị có Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh không qua biên tập để cung cấp cho các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này không có điều kiện hoặc nhu cầu thiết lập riêng hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh, các khách sạn đã được đăng ký hoạt động hợp pháp có người nước ngoài lưu trú.

5. Các đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này phải thực hiện đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu.

6. Các đơn vị có Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và có thỏa thuận hoặc giao kết hợp đồng cung cấp tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh không qua biên tập cho các đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều này phải thực hiện đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu.

7. Đối với các kênh chương trình nước ngoài cung cấp trực tiếp qua vệ tinh có truyền dẫn qua Internet thì đơn vị cung cấp dịch vụ có Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được thiết lập hệ thống thu tín hiệu qua truyền dẫn Internet để cung cấp cho các đối tượng theo quy định tại khoản 4 Điều này thực hiện thủ tục đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như đối với thủ tục thu tín hiệu trực tiếp từ vệ tinh.

Điều 19. Hồ sơ, thủ tục đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý và xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh trên địa bàn được giao quản lý.

2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh được quy định như sau:

a) Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 13 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao các loại giấy tờ sau: Giấy phép thành lập hoặc văn bản pháp lý tương đương đối với các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này; Thẻ thường trú hoặc giấy tờ pháp lý tương đương đối với hộ gia đình, cá nhân người nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định này; văn bản đăng ký hoạt động của khách sạn quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định này; Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đối với đơn vị quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 18 Nghị định này;

c) Bản sao văn bản thuê, mượn địa điểm lắp đặt thiết bị trong trường hợp thiết bị không được lắp đặt tại địa điểm ghi trong giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Thẻ thường trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;

d) Hồ sơ lập thành 01 bộ nộp về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh bằng một trong các hình thức sau: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ;

đ) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. Trường hợp không cấp đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

e) Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh theo Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

g) Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh có hiệu lực tối đa 05 năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn có hiệu lực ghi trong Giấy phép thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Thẻ thường trú, Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

3. Hồ sơ, thủ tục đăng ký sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh:

a) Văn bản đề nghị nêu rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung; đối với trường hợp thay đổi địa điểm lắp đặt, cần có bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản gốc để đối chiếu văn bản chứng minh quyền sở hữu, thuê, mượn địa điểm mới;

b) Hồ sơ lập thành 01 bộ nộp về nơi thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh bằng một trong các hình thức sau: Nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thực hiện tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ;

c) Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xét cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh. Trường hợp không cấp đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 20. Báo cáo nghiệp vụ

1. Các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; các đơn vị có Giấy phép hoạt động phát thanh, Giấy phép hoạt động truyền hình, Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh, Giấy phép sản xuất kênh truyền hình trong nước, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

2. Chế độ và biểu mẫu báo cáo đối với tình hình hoạt động phát thanh, truyền hình; cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; sản xuất, biên tập, biên dịch nội dung theo yêu cầu cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các văn bản và quy định sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

b) Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;

c) Chương II Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

d) Các nội dung về cấp lại Giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước, cấp lại Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền quy định tại khoản I, khoản II mục 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

đ) Khoản C.I, C.II tiểu mục 2.1 mục 2, khoản B.I, B.II tiểu mục 2.2 mục 2 Phụ lục I.9. Phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trường hợp các thành phần hồ sơ được quy định tại Nghị định này, cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác được đầy đủ thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia thì cơ quan, tổ chức không phải nộp các thành phần hồ sơ này.

Điều 22. Quy định chuyển tiếp

1. Các Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền của các cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình chưa thực hiện hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép theo thông tin mới của cơ quan báo chí sau khi chuyển cơ quan chủ quản đối với Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, sau sáp nhập, thay đổi cơ quan chủ quản đối với cơ quan báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiếp tục có hiệu lực đến ngày 01 tháng 3 năm 2027, trừ trường hợp bị thu hồi giấy phép theo quy định.

2. Các Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn giấy phép, trừ trường hợp bị thu hồi giấy phép theo quy định.

3. Các Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền tiếp tục có hiệu lực đến hết thời hạn giấy chứng nhận, trừ trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận theo quy định.

4. Các cơ quan, tổ chức đã nộp hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính về cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, Giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước, Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Giấy phép biên tập kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và đã được tiếp nhận để giải quyết thủ tục hành chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thì cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5, 6 Điều 12; khoản 2, 3, 4, 5 Điều 15; khoản 6, 7 Điều 18; khoản 3, 4, 5, 6 Điều 20 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP và quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết các Điều, khoản được giao tại Nghị định và hướng dẫn thực hiện Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm yêu cầu quản lý; trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc thì chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn, xử lý hoặc tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). *12*

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Thị Thanh Trà



1975



Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 242/2026/NĐ-CP
Ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
Mẫu số 02	Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
Mẫu số 04	Đề án đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
Mẫu số 05	Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
Mẫu số 06	Thông báo thay đổi nội dung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
Mẫu số 07	Giấy xác nhận thông báo thay đổi nội dung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
Mẫu số 08	Thông báo gia hạn thời hạn của Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
Mẫu số 09	Giấy xác nhận thông báo gia hạn thời hạn của Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
Mẫu số 10	Tờ khai đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
Mẫu số 11	Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
Mẫu số 12	Báo cáo thay đổi danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
Mẫu số 13	Tờ khai đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh
Mẫu số 14	Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh

**TÊN ĐẠI LÝ ĐƯỢC ỦY QUYỀN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /

..., ngày... tháng...năm ...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI
TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: *Cơ quan cấp Giấy chứng nhận*

1. Tên đơn vị đề nghị cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền (viết chữ in hoa):

- Tên viết tắt (hoặc tên giao dịch quốc tế):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư..... số..... do.....cấp ngày...tháng...năm*

2. Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền Việt Nam theo các nội dung sau:

2.1. Tên kênh chương trình:

2.2. Biểu tượng kênh chương trình (*bản màu*):

2.3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình (*bao gồm cả tên viết tắt*):

Tên đơn vị được ủy quyền phát sóng vệ tinh kênh chương trình tại Việt Nam (nếu có):.....

2.4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình:

Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị được ủy quyền phát sóng vệ tinh kênh chương trình tại Việt Nam (nếu có):.....

2.5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/ loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1						
2						
...						

2.6. Loại kênh chương trình (*Phim truyện/Phim hoạt hình/Tin tức/Khoa học, giáo dục/Giải trí tổng hợp/Thể thao/Ca nhạc/...*)

2.7. Ngôn ngữ thể hiện:

2.8. Thời gian phát sóng/ngày:

2.9. Thời lượng phát sóng/ngày:

2.10. Độ phân giải hình ảnh: (*Đánh dấu vào ô trống phù hợp*)

SDTV	<input type="checkbox"/>
HDTV	<input type="checkbox"/>
Khác	<input type="checkbox"/>

(Ghi rõ thông tin nếu điền “khác”)

(Đơn vị) cam kết nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình hoàn toàn giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh nêu trên.

2.11. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/âm thanh:

2.12. Vệ tinh phát:

Tên vệ tinh:

Vị trí vệ tinh:

2.13. Phương thức truyền dẫn khác (*nếu có*):.....

Địa điểm đặt máy chủ truyền dẫn:

Địa điểm nhận tín hiệu:

2.14. Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung:

Đối với phương thức thu tín hiệu từ vệ tinh:

Đối với phương thức truyền dẫn khác:

2.15. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình: (*Đánh dấu vào ô trống phù hợp*)

<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất</i>	<input type="checkbox"/>
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp tương tự</i>	<input type="checkbox"/>
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp kỹ thuật số</i>	<input type="checkbox"/>
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp giao thức Internet (IPTV)</i>	<input type="checkbox"/>
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh</i>	<input type="checkbox"/>
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình di động</i>	<input type="checkbox"/>
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet</i>	<input type="checkbox"/>

2.16. Phạm vi được ủy quyền của đại lý theo văn bản ủy quyền: *Là đại lý duy nhất/các giới hạn ủy quyền khác (nếu có)*.....

3. Tài liệu kèm theo:

(1)

(2)

(...)

4. Cam kết*(Tên đại lý được ủy quyền) cam kết:*

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung đăng ký nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/ tranh chấp (*tên đại lý được ủy quyền*) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

4.2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên truyền hình trả tiền, (*tên đại lý được ủy quyền*) sẽ chấp hành nghiêm các quy định trong Giấy chứng nhận và các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐẠI LÝ ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH NƯỚC NGOÀI TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

(Có giá trị đến ngày ... tháng ... năm ...)

Cấp lần đầu ngày ... tháng ... năm ...

Cấp ngày ... tháng ... năm ...

CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CHỨNG NHẬN:

1. Tên đại lý được ủy quyền cung cấp kênh chương trình nước ngoài vào Việt Nam: (viết chữ in hoa)

- Tên viết tắt (hoặc tên giao dịch quốc tế):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số.....do... cấp.....ngày.....tháng.....năm.....

- Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài (tên kênh chương trình) trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số... do... cấp ngày... tháng... năm... cho (tên đại lý đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài, áp dụng đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung).

2. Chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo các nội dung sau:

2.1. Tên kênh chương trình:

2.2. Biểu tượng kênh chương trình:

2.3. Tên đơn vị sở hữu kênh chương trình (bao gồm cả tên viết tắt):

Tên đơn vị được ủy quyền phát sóng vệ tinh kênh chương trình tại Việt Nam (nếu có):

2.4. Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị sở hữu kênh chương trình:

Quốc gia cấp đăng ký kinh doanh cho đơn vị được ủy quyền phát sóng vệ tinh kênh chương trình tại Việt Nam (nếu có):

2.5. Nội dung kênh chương trình:

STT	Tên chuyên mục/ loại chương trình	Nội dung	Thời lượng (phút)		Tỷ lệ % trong tổng thời lượng phát sóng	
			Trung bình/ngày	Trong 01 tháng	Trung bình/ngày	Trong 01 tháng
1.						
2.						
...						

2.6. Loại kênh chương trình (*Phim truyện/Phim hoạt hình/Tin tức/Khoa học, giáo dục/Tổng hợp/Giải trí tổng hợp/Thể thao/Ca nhạc/...*):

2.7. Ngôn ngữ thể hiện:

2.8. Thời gian phát sóng/ngày:

2.9. Thời lượng phát sóng/ngày:

2.10. Độ phân giải hình ảnh:

Nội dung, khung phát sóng của kênh chương trình hoàn toàn giống nhau khi phát sóng với các độ phân giải hình ảnh khác nhau.

2.11. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/âm thanh:

2.12. Vệ tinh phát:

2.13. Phương thức truyền dẫn khác (*nếu có*):.....

Địa điểm đặt máy chủ truyền dẫn:

Địa điểm nhận tín hiệu:

2.14. Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung:

Đối với phương thức thu tín hiệu từ vệ tinh:

Đối với phương thức truyền dẫn khác:

2.15. Loại hình dịch vụ cung cấp kênh chương trình:

Dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất/Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp (Tuong tự/Kỹ thuật số/IPTV)/Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh/Dịch vụ phát thanh, truyền hình di động/Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.

2.16. Yêu cầu biên tập đối với kênh chương trình:

Kênh chương trình phải được biên tập bởi cơ quan báo chí có *giấy phép hoạt động phát thanh/giấy phép hoạt động truyền hình* đã được cấp phép theo quy định của pháp luật.

2.17. Phạm vi được ủy quyền của đại lý: (*Là đại lý duy nhất/các giới hạn ủy quyền khác (nếu có)...*)

3. Trách nhiệm của đại lý

Đại lý được ủy quyền cung cấp kênh chương trình nước ngoài (*tên kênh chương trình*) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định tại Giấy chứng nhận này và thực hiện các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Hiệu lực của Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài (*tên kênh chương trình*) trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có hiệu lực kể từ ngày cấp đến ngày.... tháng.... năm... (*hiệu lực tối đa 05 năm kể từ ngày cấp nhưng không vượt quá thời hạn ghi trong văn bản ủy quyền cho doanh nghiệp làm đại lý cung cấp kênh chương trình*).

Giấy chứng nhận này thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài (*tên kênh chương trình*) trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số... do... cấp ngày... tháng... năm... cho (*tên đại lý đăng ký cung cấp kênh chương trình nước ngoài*) (*áp dụng đối với đề nghị sửa đổi, bổ sung*).

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp chứng nhận;
-
- Lưu:

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy chứng nhận cụ thể.

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /

..., ngày ... tháng ... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

Kính gửi: Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình

1. Tên đơn vị (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư số... do.... cấp ngày.... tháng.... năm .. /Quyết định hoạt động đối với cơ quan báo chí chủ lực đa phương tiện có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình số... do.... cấp ngày.... tháng.... năm

- Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình số ...do....cấp ngày....tháng...năm hoặc văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông số...giữa...và..., ký ngày... hoặc Giấy chứng nhận đăng ký tên miền .vn số ... do... cấp ngày ... hoặc địa chỉ Internet xác định để cung cấp dịch vụ.....

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ...do....cấp ngày...tháng... năm... (áp dụng với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung).

2. Đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:2.1. Loại hình dịch vụ (đánh dấu vào ô trống phù hợp):

Dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất	<input type="checkbox"/>
Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp tương tự	<input type="checkbox"/>
Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp kỹ thuật số	<input type="checkbox"/>
Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp giao thức Internet (IPTV)	<input type="checkbox"/>
Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh	<input type="checkbox"/>
Dịch vụ phát thanh, truyền hình di động	<input type="checkbox"/>
Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet	<input type="checkbox"/>

2.2. Địa điểm đặt Trung tâm thu phát:

2.2.1. Địa điểm chính:

2.2.2. Địa điểm dự phòng:

2.3. Thông số về kỹ thuật:

2.3.1. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/âm thanh:

2.3.2. Tiêu chuẩn truyền dẫn/phát sóng:

2.3.3. Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung:

2.3.4. Khả năng chèn/thay thế kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu tại địa phương (*đối với từng loại dịch vụ*):
.....

2.3.5. Các nội dung khác:

- Tên miền cung cấp dịch vụ (*áp dụng với dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet*):.....

- Ứng dụng cung cấp dịch vụ (*áp dụng với dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet*):.....

- Tên, biểu tượng của dịch vụ:.....

- Độ phân giải và tốc độ tín hiệu hình ảnh/tốc độ tín hiệu âm thanh:

2.4. Thông số về cung cấp dịch vụ (*đối với từng loại dịch vụ*):

2.4.1. Phạm vi:.....

2.4.2. Đối tượng:.....

2.4.3. Phương thức quản lý thuê bao:.....

2.4.4. Chất lượng dịch vụ (*các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng đối với từng loại dịch vụ*):

2.4.5. Nội dung thông tin (*dự kiến danh mục nội dung*):

2.5. Tài liệu kèm theo:

(1)

(2)

2.6. Cam kết

(*Tên đơn vị*) cam kết:

2.6.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong đơn đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và các tài liệu kèm theo.

2.6.2. Nếu được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (*tên đơn vị*) sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình và các quy định trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỦA ĐƠN VỊ

(*Ký tên, đóng dấu*)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng đề nghị cụ thể của doanh nghiệp.

TÊN ĐƠN VỊ
_____CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____**ĐỀ ÁN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
CUNG CẤP DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN****1. Thông tin về tổ chức/doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:**

- Tên đơn vị:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do... cấp ngày... tháng... năm ...hoặc Giấy chứng nhận đầu tư số... do... cấp ngày... tháng... năm ...hoặc Quyết định hoạt động đối với cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình số... do... cấp ngày... tháng... năm ...

Doanh nghiệp không có vốn đầu tư nước ngoài	<input type="checkbox"/>
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	<input type="checkbox"/>

Trường hợp có vốn đầu tư nước ngoài, tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài tại doanh nghiệp chiếm....% vốn điều lệ.

2. Thông tin về loại hình dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đề nghị cấp Giấy phép (đánh dấu vào ô trống phù hợp):

<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất</i>	<input type="checkbox"/>
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp tương tự</i>	<input type="checkbox"/>
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp kỹ thuật số</i>	<input type="checkbox"/>
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp giao thức Internet (IPTV)</i>	<input type="checkbox"/>
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh</i>	<input type="checkbox"/>
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình di động</i>	<input type="checkbox"/>
<i>Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet</i>	<input type="checkbox"/>

2.1. Trường hợp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất, cáp (tương tự, kỹ thuật số, IPTV), qua vệ tinh hoặc di động:

- Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình số..... cấp ngày.....có hiệu lực đến hết ngày

- Tên đơn vị được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình:

- Phạm vi cung cấp dịch vụ viễn thông:

- Loại hình hạ tầng mạng:.....

- Văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông (trường hợp đơn vị không phải là chủ mạng viễn thông): số.....ngày ký.....có hiệu lực đến hết ngày.....

+ Điều kiện gia hạn thời hạn: có /không .

+ Quy chế phối hợp với đơn vị có mạng viễn thông để xử lý sự cố, bảo đảm chất lượng và tính liên tục của dịch vụ: có /không .

2.2. Trường hợp cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet:

- Tên miền “.vn” cung cấp dịch vụ:

- Giấy chứng nhận đăng ký tên miền “.vn”: số.....ngày ký.....có hiệu lực đến hết ngày....., có điều kiện gia hạn thời hạn: có /không .

- Tên, biểu tượng ứng dụng cung cấp dịch vụ: có /không . Trường hợp có, kê khai tên, biểu tượng ứng dụng cung cấp dịch vụ

3. Phương án kỹ thuật

3.1. Địa điểm đặt Trung tâm thu phát chính:

Là trụ sở hoặc thuộc sở hữu của đơn vị: có /không , trường hợp không, đơn vị có hợp đồng thuê, mượn sử dụng lâu dài: có /không .

3.2. Địa điểm đặt trung tâm thu phát dự phòng:

Là trụ sở hoặc thuộc sở hữu của đơn vị: có /không , trường hợp không, đơn vị có hợp đồng thuê, mượn sử dụng lâu dài: có /không .

3.3. Dự kiến danh mục nội dung:

- Dịch vụ có cung cấp kênh chương trình: có /không

+ Các thể loại kênh chương trình (kênh phát thanh/kênh truyền hình) dự kiến cung cấp trên dịch vụ:.....

+ Văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu kênh chương trình phát thanh thiết yếu quốc gia: có đầy đủ tất cả các kênh /không có tất cả các kênh

+ Văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu kênh chương trình truyền hình thiết yếu quốc gia: có đầy đủ tất cả các kênh /không có tất cả các kênh

+ Văn bản thỏa thuận điểm nhận kênh chương trình phát thanh thiết yếu địa phương: có /không

+ Văn bản thỏa thuận điểm nhận kênh chương trình truyền hình thiết yếu địa phương: có /không

+ Văn bản thỏa thuận bản quyền kênh chương trình phát thanh/ truyền hình khác: có /không

- Dịch vụ có cung cấp nội dung theo yêu cầu: có /không

+ Các thể loại nội dung theo yêu cầu dự kiến cung cấp trên dịch vụ:

+ Phương án tiếp nhận nội dung theo yêu cầu: có /không

+ Phương án làm chậm đối với chương trình trực tiếp theo thời điểm diễn ra sự kiện: có /không

+ Phương án thực hiện biên tập, phân loại nội dung theo yêu cầu: có /không

+ Phương án thực hiện biên tập, phân loại nội dung dịch vụ giá trị gia tăng/quảng cáo: có /không

+ Phương án tuân thủ quy định pháp luật chuyên ngành đối với nội dung có pháp luật chuyên ngành điều chỉnh (như: giáo dục, y tế, trò chơi điện tử,...): có /không

+ Phương án quản lý bảo đảm nội dung có bản quyền hợp pháp: có /không

+ Phương án quản lý bảo đảm nội dung được biên tập, phân loại, cảnh báo: có /không

+ Phương án lưu trữ đầy đủ thông tin về thể loại nội dung, đơn vị biên tập, phân loại, cảnh báo, thời hạn bản quyền phục vụ báo cáo nghiệp vụ và kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền: có /không

3.4. Thuyết minh phương án kỹ thuật triển khai cung cấp dịch vụ:

- Thuyết minh phương án thiết lập hệ thống quản lý tập trung tất cả các kênh chương trình trong nước, kênh chương trình nước ngoài ở một địa điểm, gồm: hệ thống quản lý thiết bị thu, xử lý tín hiệu, thiết bị kết nối đến mạng truyền dẫn, hệ thống quản lý dịch vụ, quản lý thuê bao và bảo vệ nội dung.

- Thuyết minh phương án áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại phù hợp quy định của nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bảo đảm chất lượng dịch vụ và an toàn an ninh thông tin; xử lý kịp thời các sự cố kỹ thuật bảo đảm tính liên tục của dịch vụ và quyền lợi của thuê bao.

(Tên đơn vị) cam kết triển khai hệ thống kỹ thuật cung cấp dịch vụ bảo đảm việc tiếp nhận, truyền dẫn phát sóng nguyên vẹn, chất lượng, an toàn an ninh thông tin các kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình từ cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình đến thuê bao, tính liên tục của dịch vụ.

4. Phương án cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ

- Văn bản chứng minh quyền sở hữu trí tuệ hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với biểu tượng dịch vụ: có /không , trường hợp có, văn bản số.....cấp ngày..... do....cấp.

- Cài đặt biểu tượng dịch vụ trên các kênh chương trình truyền hình: có /không

- Cài đặt biểu tượng dịch vụ trên nội dung theo yêu cầu: có /không

(Tên đơn vị) cam kết có toàn quyền sở hữu trí tuệ/quyền sử dụng hợp pháp đối với biểu tượng dịch vụ, trường hợp xảy ra tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ đối với tên biểu tượng cung cấp dịch vụ nêu trên (tên đơn vị) và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. (Tên đơn vị) lựa chọn và cài đặt tên biểu tượng dịch vụ trên tối thiểu 02 kênh chương trình theo đúng quy định (nếu cung cấp kênh truyền hình).

5. Phương án kinh doanh

- Thuyết minh phương án bố trí nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật; giá dịch vụ, kế hoạch kinh doanh, dự toán chi phí đầu tư và chi phí hoạt động ít nhất trong 2 năm đầu tiên.

- Có quy trình quản lý và xử lý khiếu nại thuê bao sử dụng dịch vụ: có /không .

- Phương án đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm các bên liên quan theo đúng quy định của pháp luật: có /không .

Tên đơn vị cam kết triển khai phương án kinh doanh hiệu quả, chấp hành các quy định pháp luật về kinh doanh dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và pháp luật liên quan.

6. Tài liệu đính kèm (scan và đưa vào đề án):

- Quyết định thành lập và Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình đối với cơ quan báo chí truyền thông đa phương tiện;

- Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình, hoặc văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông (trường hợp đơn vị không phải là chủ mạng viễn thông) và Quy chế phối hợp với đơn vị có mạng viễn thông để xử lý sự cố, bảo đảm chất lượng và tính liên tục của dịch vụ;

- Tài liệu chứng minh quyền sở hữu trí tuệ hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với biểu tượng dịch vụ, biểu tượng ứng dụng cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc văn bản cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với biểu tượng dịch vụ đăng ký.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)**

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../GP-

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ
 PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

(Có giá trị đến hết ngày... tháng...năm...)

Cấp lần đầu ngày... tháng... năm ...

Cấp ... ngày... tháng... năm ...

CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số .../20.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số.....do cấp ngày... tháng....năm (áp dụng đối với trường hợp đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung);

Xét đơn kèm theo hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số...ngày....tháng...năm... và hồ sơ bổ sung số ...ngày... tháng....năm của (tên doanh nghiệp);

Theo đề nghị của

CẤP PHÉP CHO:

Tên đơn vị (viết bằng chữ in hoa)

- Tên giao dịch:.....
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do.... cấp ngày.... tháng.... năm ...hoặc Giấy chứng nhận đầu tư số... do.... cấp ngày.... tháng.... năm ...hoặc Quyết định hoạt động đối với cơ quan báo chí có Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình số... do.... cấp ngày.... tháng.... năm ...

Được cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo các quy định sau:

Điều 1. Loại hình dịch vụ

Dịch vụ phát thanh, truyền hình mặt đất/Dịch vụ phát thanh, truyền hình cáp (trương tự/ kỹ thuật số/giao thức Internet (IPTV))/Dịch vụ phát thanh, truyền hình qua vệ tinh/Dịch vụ phát thanh, truyền hình di động/Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet.

Điều 2. Quy định về kỹ thuật

1. Địa điểm đặt Trung tâm thu phát:
 - Địa điểm chính:
 - Địa điểm dự phòng:
2. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/âm thanh:
3. Phương thức truyền dẫn tín hiệu:
4. Kỹ thuật khóa mã bảo vệ nội dung:.....
5. Khả năng chèn/thay thế kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu:.....
6. Quy định khác về kỹ thuật:.....

Điều 3. Quy định về cung cấp dịch vụ

1. Phạm vi:.....
2. Đối tượng:.....
3. Phương thức quản lý thuê bao:.....
4. Chất lượng dịch vụ:
5. Nội dung thông tin:.....

Điều 4. Quy định khác

Ngoài các quy định tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, (tên đơn vị) có trách nhiệm:

1. *Bảo đảm triển khai cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo nội dung trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, phù hợp với phạm vi thiết lập hạ tầng mạng viễn thông quy định tại Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình sốdo... cấp ngày... tháng... năm.../Giấy xác nhận tên miền “.vn” hoặc địa chỉ Internet xác định do Việt Nam quản lý và ứng dụng cung cấp dịch vụ.*

2. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền và thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

3. Thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn và an ninh thông tin trong hoạt động cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

4. Thực hiện chế độ báo cáo nghiệp vụ định kỳ và đột xuất về tình hình cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền.

5. Thực hiện công khai niêm yết giá dịch vụ, giá gói dịch vụ theo quy định của pháp luật.

6. Nộp đầy đủ và đúng hạn phí quyền cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện nhập khẩu, phân phối, lắp đặt, vận hành trang thiết bị kỹ thuật phục vụ triển khai giấy phép và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

8. Cung cấp đường truyền tín hiệu và thiết bị giải mã tới địa điểm theo yêu cầu của cơ quan cấp phép hoặc cung cấp tài khoản sử dụng toàn bộ nội dung trên dịch vụ để phục vụ công tác quản lý.

9. Chịu sự thanh tra, kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực giấy phép

Giấy phép này có hiệu lực từ ngày.....

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp phép;
- Lãnh đạo Bộ (*để báo cáo*);
- Sở VHTTDL/Sở VH&TT
(phù hợp phạm vi quản lý);
-
- Lưu: VT,....

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN
CẤP GIẤY PHÉP
(Ký tên, đóng dấu)**

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng giấy phép cụ thể.

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CV-....

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO
THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY PHÉP CUNG CẤP
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀNKính gửi: *Cơ quan tiếp nhận thông báo**Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình;**Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ... ngày ... tháng ... năm... do cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình cấp;***(TÊN ĐƠN VỊ) THÔNG BÁO**

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền của *(tên đơn vị có giấy phép)* gồm những nội dung, như sau:
(danh sách những nội dung thay đổi).....

2. *(Tên đơn vị có giấy phép)* đề nghị *(Tên cơ quan tiếp nhận thông báo)* cấp giấy xác nhận thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ... ngày ... tháng ... năm... do *(tên đơn vị cấp giấy phép)* cấp.

Nơi nhận:

- Cơ quan tiếp nhận thông báo;
-
- Lưu: VT, (số bản).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm cấp phép và từng văn bản cụ thể.

CƠ QUAN TIẾP NHẬN THÔNG BÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

..., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY XÁC NHẬN THÔNG BÁO
THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có giấy phép);

Căn cứ Thông báo số ... ngày ... tháng ... năm.... của (tên đơn vị có giấy phép);
Theo đề nghị của.....

(TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY XÁC NHẬN) XÁC NHẬN

1. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền của (tên đơn vị có giấy phép) gồm những nội dung, như sau:
(danh sách những nội dung thay đổi).....

2. (Tên đơn vị có giấy phép) được triển khai cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình (số và ngày cấp Giấy phép) và các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, Giấy xác nhận thông báo này kể từ ngày ký.

3. Các quy định khác của Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số.... ngày... tháng.... năm..... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có giấy phép) vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

4. (Tên đơn vị có giấy phép) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền sốngày ... thángnăm do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp và Giấy xác nhận thông báo này.

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp giấy phép;
- Tên cơ quan cấp giấy phép;
- Đơn vị cấp Giấy xác nhận thông báo;
-
- Lưu: VT, (số bản).

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN TIẾP NHẬN
THÔNG BÁO

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm xác nhận và từng văn bản cụ thể.

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO
GIA HẠN THỜI HẠN CỦA GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Kính gửi: Cơ quan tiếp nhận thông báo

*Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình;**Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp;***(TÊN ĐƠN VỊ) THÔNG BÁO**

1. Gia hạn thời hạn của Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có giấy phép): từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ... tháng ... năm...

2. (Tên đơn vị có giấy phép) đề nghị (Tên cơ quan tiếp nhận thông báo) cấp giấy xác nhận thông báo về việc gia hạn thời hạn của Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp.

Nơi nhận:

- Cơ quan tiếp nhận thông báo;
-
- Lưu: VT, (số bản).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm xác nhận và từng văn bản cụ thể.

CƠ QUAN TIẾP NHẬN THÔNG BÁO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...

..., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY XÁC NHẬN THÔNG BÁO
GIA HẠN THỜI HẠN CỦA GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ
PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Báo chí về quản lý hoạt động phát thanh, truyền hình và dịch vụ phát thanh, truyền hình;

Căn cứ Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có giấy phép);

Căn cứ Thông báo số ... ngày ... tháng ... năm.... của (tên đơn vị có giấy phép);

Theo đề nghị của

(TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY XÁC NHẬN) XÁC NHẬN

1. Gia hạn thời hạn của giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ... ngày ... tháng ... năm... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có giấy phép), như sau: (ghi rõ gia hạn từ thời điểm nào đến thời điểm nào).....

2. (Tên đơn vị có giấy phép) được tiếp tục cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo các quy định của Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số.... ngày... tháng.... năm..... do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp cho (tên đơn vị có giấy phép).

3. (Tên đơn vị có giấy phép) có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền sốngày ... thángnăm do (tên cơ quan cấp giấy phép) cấp và Giấy xác nhận thông báo này.

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp giấy phép;
- Tên cơ quan cấp giấy phép;
- Đơn vị cấp Giấy xác nhận thông báo;
- ...
- Lưu: VT, (số bản).

LÃNH ĐẠO CƠ QUAN TIẾP NHẬN
THÔNG BÁO

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào quy định pháp luật tại thời điểm xác nhận và từng văn bản cụ thể.

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH TRÊN
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Kính gửi: Cơ quan cấp Giấy chứng nhận

Tên doanh nghiệp (viết chữ in hoa):.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:.....

- Giấy phép cung cấp dịch vụ *phát thanh, truyền hình* trả tiền số ...do...
cấp... lần đầu ngày...tháng... năm...; cấp... ngày... tháng... năm**1. Đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền như sau:**

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	ĐỘ PHẢN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
I.	Kênh chương trình <i>phát thanh/truyền hình</i> phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia				
1.	Ví dụ: VTV1	Đài Truyền hình Việt Nam		SD & HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của đơn vị
2.					
...					
II.	Kênh chương trình <i>phát thanh/truyền hình</i> phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương				
1.	Ví dụ: THVL1	Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long		SD & HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của đơn vị
2.					
...					
III.	Các kênh chương trình trong nước khác				

1.	Ví dụ: VTV3	Đài Truyền hình Việt Nam		SD & HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của đơn vị
2.					
...					
IV.	Kênh chương trình nước ngoài				
1.	Ví dụ: Cartoon Network	Đài Truyền hình Việt Nam	Công ty TNHH Msky	SD & HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của đơn vị
2.					
...					

2. Đăng ký kênh chương trình cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
1.					
2.					
...					

3. Tài liệu kèm theo:

- (1)
- (2)
- (...)

4. Cam kết

(Tên đơn vị) cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung đăng ký nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/tranh chấp (tên đơn vị) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

4.2. Nếu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, (tên đơn vị) cam kết cung cấp đúng danh mục các kênh chương trình đã được ghi tại Giấy chứng nhận và thực hiện các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT, (số bản).

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ**
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

**CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH
TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**

**CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CHỨNG NHẬN:**

Tên đơn vị cung cấp dịch vụ *phát thanh, truyền hình trả tiền* (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- Giấy phép cung cấp dịch vụ *phát thanh, truyền hình trả tiền* số...do ... cấp lần đầu ngày...tháng...năm... ; cấp...ngày...tháng...năm.....

1. Chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền như sau:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (<i>đối với kênh chương trình nước ngoài</i>)	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
I.	Kênh chương trình <i>phát thanh/truyền hình</i> phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia				
1.					
2.					
...					
II.	Kênh chương trình <i>phát thanh/truyền hình</i> phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương				
1.					
2.					
...					
III.	Các kênh chương trình trong nước khác				
1.					
2.					
...					
IV.	Kênh chương trình nước ngoài				
1.					
2.					
...					

2. Kênh chương trình thực hiện cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP
1.					
2.					
...					

3. Trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền

(Tên đơn vị) có trách nhiệm cung cấp đúng danh mục các kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được ghi tại Giấy chứng nhận này; thực hiện theo đúng các quy định của Luật Báo chí và các văn bản hướng dẫn thi hành; thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bản quyền chương trình phát thanh, truyền hình và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Hiệu lực của Giấy chứng nhận

Việc cung cấp kênh chương trình theo danh mục tại Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày cấp đến hết thời hạn đối với từng kênh chương trình được quy định tại cột thông tin Phạm vi cung cấp thuộc mục 1 của Giấy chứng nhận này.

Nơi nhận:

- Đơn vị được cấp Giấy chứng nhận;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Sở VH&TTDL/Sở VH&TT
(phù hợp với phạm vi quản lý);
- Lãnh đạo đơn vị cấp giấy chứng nhận
- Lưu:

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU
CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng Giấy chứng nhận cụ thể.

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO THAY ĐỔI DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH
TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN**Kính gửi: *Cơ quan tiếp nhận Báo cáo*

Tên đơn vị (viết chữ in hoa):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền sốdo...cấp...
lần đầu ngày tháng...năm...; cấp.....ngày....tháng....năm.....- Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát
thanh, truyền hình trả tiền số....do...cấp ngày..... tháng..... năm.....**1. Thay đổi danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh,
truyền hình trả tiền như sau:**

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	ĐỘ PHẢN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP	THỜI ĐIỂM BẮT ĐẦU CUNG CẤP
I.	Kênh chương trình <i>phát thanh/truyền hình</i> phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia					
1.	Ví dụ: VTV1	Đài Truyền hình Việt Nam		SD & HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của đơn vị	
2.						
...						
II.	Kênh chương trình <i>phát thanh/truyền hình</i> phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương					
1.	Ví dụ: HTV9	Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh		SD & HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của đơn vị	
2.						
...						

III Các kênh chương trình trong nước khác						
1.	Ví dụ: VTV3	Đài Truyền hình Việt Nam		SD & HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của đơn vị	
2.						
...						
IV. Kênh chương trình nước ngoài						
1.	Ví dụ: Cartoon Network	Đài Truyền hình Việt Nam	Công ty TNHH Msky	SD & HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của đơn vị	
2.						
...						

2. Thay đổi kênh chương trình cài đặt tên, biểu tượng dịch vụ:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (<i>đối với kênh chương trình nước ngoài</i>)	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP	THỜI ĐIỂM BẮT ĐẦU CUNG CẤP
1.						
2.						
....						

3. Tài liệu kèm theo:

- (1)
- (2)

4. Cam kết

(Tên đơn vị) cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo, có đầy đủ quyền được cung cấp các kênh chương trình trên dịch vụ theo quy định pháp luật; nếu sai hoặc có khiếu nại/tranh chấp (tên đơn vị) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

4.2. (Tên đơn vị) cam kết cung cấp đúng danh mục các kênh chương trình đã được ghi tại báo cáo thay đổi danh mục kênh này và thực hiện các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT, (số bản).

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA ĐƠN VỊ**
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THU TÍN HIỆU TRUYỀN HÌNH NƯỚC NGOÀI
TRỰC TIẾP TỪ VỆ TINH

Kính gửi: *Cơ quan cấp Giấy chứng nhận*

1. Thông tin chung:

- Tên (doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân) đăng ký thu/làm đầu mối thiết lập thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh/(ghi bằng chữ in hoa):

.....

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... - Fax:

- Email (nếu có):

- Website (nếu có):

- Giấy phép thành lập/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ...do....cấp ngày tháng năm(đối với doanh nghiệp/tổ chức)

- Thẻ thường trú số... do..... cấp ngày..... tháng.... năm..... (đối với cá nhân)

- Văn bản thuê, mượn địa điểm (nếu có): (ghi rõ số văn bản, thời gian, thời hạn của hợp đồng).

- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số...do....cấp.. ..ngày....tháng...năm...(chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh).

- Giấy chứng nhận đăng ký (thu tín hiệu/ đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu) truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh số..... dongày.... tháng..... năm..... (áp dụng đối với trường hợp đề nghị sửa đổi/bổ sung)

2. Đăng ký dịch vụ: (Đánh dấu vào ô trống phù hợp)

2.1. Đăng ký sử dụng thiết bị thu tín hiệu truyền hình để thu tín hiệu kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	<input type="checkbox"/>
2.2. Đăng ký sử dụng dịch vụ thu tín hiệu kênh truyền hình trực tiếp từ vệ tinh của doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>
2.3. Đăng ký làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu các kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.	<input type="checkbox"/>

3. Nội dung chi tiết:

3.1. Tên các kênh chương trình thu:

STT	Tên/ biểu tượng kênh chương trình	Loại kênh/nội dung kênh chương trình	Tên hãng sản xuất/ sở hữu kênh chương trình
1			
2			
...			

3.2. Mục đích và phạm vi sử dụng:

3.3. Thiết bị sử dụng ¹:

- Anten:..... bộ

Ký hiệu, mã hiệu:

- Đầu thu:..... bộ

Ký hiệu, mã hiệu:

- Vệ tinh phát sóng

- Thông số phát sóng

3.4. Địa chỉ lắp đặt hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (*áp dụng với trường hợp tự thiết lập thiết bị thu*) hoặc tên doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thu tín hiệu (*áp dụng với trường hợp sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp*):

3.5. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/âm thanh ²:

3.6. Tiêu chuẩn truyền dẫn tín hiệu đến người sử dụng ³:

(*Tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân*) cam kết thực hiện đúng quy định trong giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT, (số bản).

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC/
DOANH NGHIỆP HOẶC CÁ NHÂN**
(*Ký tên, đóng dấu*)

VĂN BẢN KÈM THEO

- Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập tổ chức...
- Bản sao Thẻ thường trú do... cấp ngày...tháng...năm (đối với cá nhân)
- Bản sao có chứng thực văn bản thuê, mượn địa điểm...

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

¹ Đối tượng thuộc mục 2.2 không phải kê khai thông tin này. Đối tượng thuộc mục 2.3, trường hợp thu tín hiệu qua Internet: (1) không phải kê khai thông tin tại mục Anten, Đầu thu, Vệ tinh phát sóng; (2) kê khai đầy đủ tên thiết bị sử dụng và địa chỉ Internet xác định để phát, thu tín hiệu kênh chương trình tại mục Thông số phát sóng.

² Chỉ áp dụng cho đối tượng thuộc trường hợp tại mục 2.3.

³ Chỉ áp dụng cho đối tượng thuộc trường hợp tại mục 2.3.

**CƠ QUAN CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ... /GCN-TVRO

..., ngày ... tháng ... năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THU TÍN HIỆU
TRUYỀN HÌNH NƯỚC NGOÀI TRỰC TIẾP TỪ VỆ TINH**

(Có giá trị đến hết ngày... tháng...năm...)

Cấp lần đầu ngày...tháng ...năm ...

Cấp...ngày...tháng...năm...

**CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CHỨNG NHẬN:**1. Tên (*doanh nghiệp/ tổ chức/ cá nhân*) (*ghi bằng chữ in hoa*):

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:.....

- Giấy phép cung cấp dịch vụ *phát thanh, truyền hình* trả tiền số ...do... cấp...ngày...tháng...năm⁽¹⁾

2. Được thu tín hiệu kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh, gồm:

STT	Tên/biểu tượng kênh chương trình	Loại kênh/nội dung kênh chương trình	Tên hãng sản xuất/ sở hữu kênh chương trình
1			
2			
...			

3. Mục đích và phạm vi sử dụng:

4. Địa điểm lắp đặt hệ thống thiết bị thu tín hiệu kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh:

- Địa chỉ lắp đặt thiết bị thu tín hiệu để thu các kênh truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (*áp dụng với trường hợp tự thiết lập hệ thống thiết bị thu*):
.....

- Địa chỉ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thu tín hiệu:

5. Thiết bị sử dụng: ⁽²⁾

- Anten:bộ

Ký hiệu, mã hiệu:

- Đầu thu:bộ

Ký hiệu, mã hiệu:

- Vệ tinh phát sóng:

- Thông số phát sóng:

6. Tiêu chuẩn mã hóa tín hiệu hình ảnh/âm thanh: (1)

7. Tiêu chuẩn truyền dẫn tín hiệu đến người sử dụng: (1)

8. Giấy chứng nhận đăng ký (*thu tín hiệu/ đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu*) truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh có hiệu lực kể từ ngày ký thay thế cho Giấy chứng nhận số

Nơi nhận:

- Doanh nghiệp/tổ chức/ cá nhân được cấp chứng nhận;
- Cơ quan cấp Giấy chứng nhận;
- Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về phát thanh, truyền hình;
-
- Lưu: VT, (số bản).

NGƯỜI ĐỪNG ĐẦU
CƠ QUAN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng giấy chứng nhận cụ thể.
- Các mục đánh dấu ⁽¹⁾: Chỉ dành cho doanh nghiệp làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.
- Các mục đánh dấu ⁽²⁾: Không áp dụng cho các tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng dịch vụ thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh qua doanh nghiệp làm đầu mối thiết lập hệ thống thiết bị thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.